TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Điền;

Ông Nguyễn Xuân Đào.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm Chung, xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Hà Minh T, sinh năm 1985; (Đã xuất cảnh đi Đài Loan ngày 20/11/2019, về Việt Nam ngày 04/8/2022).

Địa chỉ: Khu Dụt Dàn, xã Thạch Kiệt, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và Anh T kết hôn ngày 17/4/2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Minh Đài, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn v ì Anh T không chịu làm ăn quan tâm đến cuộc sống gia đình , gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng Anh T không chịu thay đổi . Hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan

tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị ly hôn Anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Hà Minh T, sinh ngày 14/10/2012 và cháu Hà Đình L, sinh ngày 23/9/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở với ông Hà Minh T và bà Nông Thị H, khi ly hôn, Chị H đề nghị cho Anh T và ông bà nội của hai cháu là ông T và bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu L, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng : Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ.

Theo bản tự khai ngày 22/8/2022 tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Hà Minh T trình bày:

Anh đã xuất cảnh đi Đài Loan ngày 20/11/2019 và mới nhập cảnh về Việt Nam từ ngày 04/8/2022. Anh không xuất cảnh nữa mà ở Việt Nam. Trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh, gia đình anh đã nhận được các văn bản tố tụng và thông báo cho anh biết việc Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa Chị H và anh. Vì lí do công việc nên anh không thể về nước được . Nay Chị H đề nghị ly hôn anh có quan điểm như sau:

Anh và Chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ ngày 17/4/2012. Cuộc sống vợ chồng gần đây có nhiều mâu thuẫn anh đã cố gắng khắc phục nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn , mục đích chung không đạt được nay Chị H đề nghị ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Hà Minh T, sinh ngày 14/10/2012 và cháu Hà Đình L, sinh ngày 23/9/2014. Sau ly hôn anh đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung , anh không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Hà Minh T và cháu Hà Đình L có nguyện vọng ở với bố khi Chị H và Anh T ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự,

kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51,53,55, 58, 81, 82, 83,123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28; Khoản 3 điều 35; Điều 37; Khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đ ề nghị Tòa án xét xử:

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Hà Minh T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh , chị giao cho Anh T nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là cháu T và cháu L, kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi các cháu trưởng thành, Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H được thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Hà Minh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thạch Kiệt, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 12384/QLXNC-P5 ngày 16/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an: anh Hà Minh T đã xuất cảnh ngày 20/11/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Sau đó đến ngày 04/8/2022, Anh T về Việt Nam. Căn cứ khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì vụ án không thay đổi thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thụ lý tiếp tục giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Anh T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn Chị H vắng mặt như ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị H có quan điểm đề nghị cho anh Hà Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hà Minh T và Hà Đình L nhưng Anh T đang ở nước ngoài nên tạm giao hai cháu cho bố mẹ Anh T là ông Hà Minh T và bà Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trong thời gian Anh T ở nước ngoài. Nên Tòa án đưa ông T và bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa Anh T trình bày mình về Việt Nam hẳn không xuất cảnh đi nước ngoài nữa nên việc nuôi con do Chị H, Anh T tự quyết định, ông T bà H cũng nhất trí để Anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T và cháu L. Kiểm sát viên cũng đề nghị không cần thiết phải đưa ông T hư, bà H vào tham gia tố tụng là phù hợp . Nên không đưa ông Thư, bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Hà Minh T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/4/2012 tại UBND xã Minh Đài, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H và Anh T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, Anh T không chịu làm ăn không quan tâm chăm lo cuộc sống của vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T. Tại phiên tòa Anh T cũng có quan điểm tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên có quan điểm nhất trí ly hôn . Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị H và Anh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và Anh T có 02 con chung là cháu Hà Minh T , sinh ngày 14/10/2012 và Hà Đình L , sinh ngày 23/9/2014. Chị H có nguyện vọng để Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh T cũng có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Xét thấy: Nguyện vọng của Chị H để Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T và cháu L, Anh T cũng đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu T và cháu L cũng có nguyện vọng ở với bố khi Chị H, Anh T ly hôn. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận của Chị H và Anh T, giao cháu Hà Minh T và Hà Đình L cho anh Hà Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T do Anh T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H, Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 55, 81,82,83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Hà Minh T.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị H và Anh T, giao cho anh Hà Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Minh T , sinh ngày 14/10/2012 và Hà Đình L , sinh ngày 23/9/2014.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T do Anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hương đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghì n đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000212 ngày 20/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho Chị H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Đài;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa